

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 341/2019/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 514/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2019 về việc “Ly hôn”, giữa:

* Nguyên đơn : Bà Đỗ Thị X - Sinh năm 1987; HKTT : Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nơi ở hiện nay: Nhà thuê số 703, đường T, Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng.

* Bị đơn : Ông Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1988; HKTT : Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nơi ở hiện nay : Số 215, Quốc lộ 20, Thôn Phú Lộc, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng (Nhà chị gái).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, Điều 81,83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị X và ông Nguyễn Văn Q đều có yêu cầu thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị X và ông Nguyễn Văn Q đều có yêu cầu thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung : Bà X và ông Q thỏa thuận việc nuôi con như sau : Giao bà X nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thảo M - Sinh ngày 28/10/2014. Ông Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 11/2019 cho tới khi cháu M thành niên.

2.3. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

2.4. Về án phí : Bà Đỗ Thị X nhận nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con ; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo phiếu thu số AA/2016/0013835 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện ĐT;
- Thi hành án huyện ĐT;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Yến Như